

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN NAY

1. Xây dựng được một nền giáo dục quốc dân thống nhất, đa dạng, linh hoạt từ cấp học mầm non đến giáo dục sau đại học

Những năm đầu thời kỳ đổi mới, nước ta chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường, do tác động của khủng hoảng kinh tế, quy mô giáo dục ở nước ta đã có sự giảm sút đáng kể. Trong giai đoạn 1986 - 1992, ngoại trừ tiểu học và giáo dục cao đẳng công lập, đại học có tăng (không đáng kể), còn lại tất cả các cấp học và trình độ khác đều có sự giảm sút về số lượng học sinh. Số lượng học sinh năm 1992 – 1993 so với năm 1986 – 1987: mầm non giảm 29,9%; trung học cơ sở giảm 38,3%; giáo dục nghề giảm 23%. Có thể nói sự phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng và quyết định to lớn đến toàn bộ đời sống xã hội, trong đó không thể không nói đến giáo dục, nhưng hi giáo dục phát triển, nó sẽ là nhân tố tác động mạnh mẽ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trước bối cảnh đó, Đảng và nhà nước ta đã có những chủ trương lớn nhằm phát triển nền giáo dục đất nước.

Nghị quyết hội nghị trung ương 4 (khóa VII) năm 1993 và nghị quyết hội nghị trung ương khóa 2 (khóa VIII) năm 1996, đặc biệt nghị quyết số 90/CP, ngày 21-8-1997 và nghị định số 73/1999/NĐ-CP được ban hành là hành lang pháp lý tạo điều kiện xã hội hóa giáo dục. Từ đó đến nay xã hội hóa giáo dục đã được triển khai rộng khắp trên phạm vi cả nước và đạt được những thành tựu nhất định. Hệ thống giáo dục quốc dân ngày càng phát triển về mọi mặt, trong đó đã xây dựng được một nền giáo dục thống nhất, đa dạng linh hoạt từ cấp mầm non đến giáo dục sau đại học. Theo thống kê, tính đến năm 2014 – 2015, tổng số các cơ sở giáo dục của toàn ngành là 43.874 trường, trong đó có 41.248 trường công lập (chiếm 94%), 2.626 trường ngoài công lập (chiếm 6%); về số lượng học sinh sinh viên cả nước có 20.889.029 em, trong đó các trường ngoài công lập có 1.323.797 học sinh, sinh viên (chiếm 6.4%). Tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, được quan tâm của các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế nên số người đi học ngày càng tăng.

- Giáo dục mầm non

Từ khi thực hiện xã hội hóa giáo dục, giáo dục mầm non đã có những bước phát triển vượt bậc, với sự tập trung và thu hút nhiều nguồn lực của xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm cho mọi trẻ em đều có cơ hội đến trường không chỉ ở vùng thành thị mà còn ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa trên khắp mọi miền đất nước. Bên cạnh mạng lưới giáo dục mầm non công lập cũng được thành lập và phát triển hầu hết trên các địa bàn cả nước. Số lượng trường, lớp được xây dựng và kiên cố hóa cũng như trẻ em đi học đều tăng qua từng năm.

Năm 1996 – 1997, cả nước có 10.140 cơ sở giáo dục, trong đó giáo dục ngoài công lập có 6.327 cơ sở, chiếm 62,39% ; số lượng học sinh là 2.545.000 em, và số giáo viên tham gia vào những cơ sở giáo dục này 144.067 người, giáo viên ngoài công lập là 70.511 người, chiếm tỷ lệ 48,97% giáo viên mầm non. Đến năm 2009 – 2010, sau 10 năm thực hiện xã hội hóa giáo dục, cả nước có 12.357 trường mầm non, tăng 1.904 trường (chiếm 18,2%) so với năm học 2004 – 2005 trong đó có 7.035 trường công lập, 5.322 trường ngoài công lập (chiếm 43% số trường). Mạng lưới trường, lớp mầm non đã thu hút 3.405.194 trẻ đến trường, tăng 651.100 cháu (chiếm 23,6%) so với năm học 2004 - 2005; trong đó số trẻ ngoài công lập là 1.525.805, chiếm 44,8% tổng số; số trẻ 5 tuổi đến trường là 1.293.921 cháu, đạt 98,7% trẻ trong độ tuổi (tăng 6,7%). Đến năm 2015, theo thống kê, số lượng trường mẫu giáo là 14.513 trường. Qua đây, có thể thấy cùng với sự phát triển của giáo dục thì giáo dục mầm non không ngừng được mở rộng về quy mô, thể hiện ở số lượng trường, lớp tăng, số lượng trẻ em ; đến tuổi đi học ngày càng nhiều. Đó là kết quả đáng kể trong công tác xã hội hóa giáo dục mầm non.

Xã hội hóa giáo dục mầm non đã tạo nên một hệ thống đa dạng các loại hình giáo dục mầm non ngoài công lập như: dân lập, tư thực, bán công, nhóm trẻ, v.v... Đây chính là những hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của từng địa phương và sự phát triển của xã hội. Những loại hình này nhằm tạo điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Ngoài ra còn đáp ứng nhu cầu linh hoạt của phụ huynh và khả năng kinh tế của mỗi gia đình. Các loại hình trường ngoài công lập ngày càng thể

hiện rõ ưu thế và khẳng định vai trò của mình trong hệ thống giáo dục mầm non.

-Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông cũng có những bước phát triển mạnh mẽ, đã xây dựng được một mạng lưới cơ sở giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, phát triển rộng khắp trên cả nước. Ở tất cả các xã, phường trong cả nước đều có trường tiểu học, liên xã có các trường trung học cơ sở, ở các quận, huyện có các trường trung học phổ thông.

Xã hội hóa giáo dục được triển khai một cách mạnh mẽ ở hầu hết các địa phương trên toàn quốc với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mỗi nơi. Trong đó phải kể tới việc tổ chức đại hội giáo dục cấp cơ sở đã huy động được tiềm lực xã hội đóng góp cho giáo dục cả về quy mô và chất lượng. Kết quả là: năm học 1996 - 1997, cả nước có: 19.724 cơ sở giáo dục, trong đó giáo dục ngoài công lập chiếm 1%, học sinh: 16.415.000, học sinh ngoài công lập chiếm 3,22%, tổng số giáo viên trong giai đoạn này: 518.842 người, giáo viên giảng dạy trong các trường ngoài công lập chiếm 1,87%. Đến năm học 2003 - 2004, cả nước có 14.346 trường tiểu học, tăng 9,8% so với năm học 1998 - 1999; 9.873 trường trung học cơ sở, tăng tương ứng 15%; 2.140 trường trung học phổ thông, tăng tương ứng 30,7%. Số trường ngoài công lập cũng tăng đáng kể với 77 trường tiểu học, 89 trường trung học cơ sở và 600 trường trung học phổ thông. Đặc biệt là có sự phát triển rất nhanh các loại hình trường trung học phổ thông ngoài công lập, so với năm học 1998 -1999, năm học 2003 - 2004 có thêm 214 trường, chiếm 29,3% tổng số trường trung học phổ thông. Ở các tỉnh miền núi, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và trường phổ thông bán trú dân nuôi ngày càng phát triển. Đã có 11 trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc Trung ương, 44 trường thuộc tỉnh, 295 trường thuộc huyện và khoảng 500 trường bán trú dân nuôi ở 25 tỉnh. Đến năm học 2009 - 2010, tổng số trường phổ thông là 28.407 trường, tăng 1.584 trường, trong đó có 604 trường ngoài công lập. Mạng lưới trường phổ thông các cấp đã tiếp nhận 15.016.165 học sinh, trong đó ngoài công lập là 538.606 học sinh, chiếm 3,59%. Đến năm học 2013-2014, tổng số trường học là 28.916 trường, trong đó công lập là 28.373 trường, ngoài công lập là 543 trường.

Mạng lưới trường phổ thông đã tiếp nhận: 11.438.566 học sinh công lập và 309.360 học sinh ngoài công lập. Như vậy, trong vòng 10 năm đầu thực hiện xã hội hóa giáo dục, số trường, số học sinh ngoài công lập tăng rất nhanh, nhưng trong những năm trở lại đây số lượng trường cũng như số lượng học sinh ngoài công lập có xu hướng giảm.

Ngoài hệ thống giáo dục phổ thông, chúng ta còn có các hình thức bổ túc văn hóa và giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng, cung cấp những cơ hội học tập khác nhau cho người học, với nội dung mềm dẻo phù hợp với đối tượng người học ở từng địa bàn dân cư khác nhau. Hình thức học bổ túc đa dạng, phong phú như chính quy, không chính quy và phi chính quy, kết hợp với các phương tiện truyền thông hiện đại để người học có thể lựa chọn cách học phù hợp nhất, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

- Giáo dục nghề nghiệp

Trước năm 1997, giáo dục trung học chuyên nghiệp bước vào khủng hoảng. Học sinh được đào tạo ra không sử dụng được hoặc không bố trí được đúng trình độ đào tạo, vì vậy, học sinh không có động lực để phấn đấu. Bên cạnh đó, về phía nhà trường, số lượng giáo viên thiếu việc làm tăng; nhiều trường bị giải thể hoặc sáp nhập; không được đầu tư trang thiết bị... Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn giữa đào tạo với sử dụng, sản phẩm đào tạo ra không thích hợp với thực tế. Cán bộ trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo vẫn theo mục tiêu cũ, chưa chuyển biến, đổi mới để phù hợp với kinh tế thị trường. Để giải quyết được vấn đề đó và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội, đòi hỏi sự đổi mới tư duy, nhận thức về hệ thống pháp luật, về phương thức và cơ chế quản lý.

Từ khi thực hiện xã hội hóa giáo dục đã góp phần làm cho giáo dục nghề nghiệp có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể, cụ thể:

Bắt đầu từ năm 1997, giáo dục - đào tạo nghề đã được phục hồi sau nhiều năm suy giảm. Đến năm 2003, quy mô tuyển sinh dạy nghề ngắn hạn, dài hạn đã tăng hơn 2 lần, tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp đã tăng 1,67 lần

so với năm 1998. Dạy nghề ngắn hạn và dạy nghề dài hạn cho nông dân được mở rộng. Số trường dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp ngày càng tăng. Năm 2003, cả nước có 226 trường dạy nghề, trong đó có 199 trường công lập và 27 trường ngoài công lập, tăng 1,75 lần so với năm 1998. Bên cạnh các trường dạy nghề còn có một số trường đại học, cao đẳng có tổ chức dạy nghề, nâng tổng số lên 391 trường.

Ngoài hệ thống đào tạo chính quy, đào tạo nghề ngắn hạn phát triển mạnh với nhiều loại hình như các trung tâm dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm, ví dụ: mô hình tập huấn kiến thức **cho** nông dân của Hội khuyến nông, mô hình dạy nghề VAC của Trung ương Hội làm vườn, mô hình câu lạc bộ phụ nữ...

Giai đoạn từ năm 2004 đến nay, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước, đáp ứng phát triển nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự đa dạng về ngành nghề, hệ thống giáo dục dạy nghề không ngừng được hoàn thiện và mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, chuyển từ hệ thống dạy nghề trình độ thấp với hai cấp độ: sơ cấp nghề, trung cấp nghề sang hệ thống dạy nghề với ba cấp đào tạo: sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Kết quả của xã hội hóa dạy nghề đã đạt được những thành tựu đáng kể. Năm học 2007 - 2008, mạng lưới cơ sở trường dạy nghề đã được phân bố tại tất cả các tỉnh, thành phố, bộ, ngành bao gồm 75 trường cao đẳng nghề, 204 trường trung cấp nghề và 684 trung tâm dạy nghề, có 276 trường trung cấp nghề, hơn 1.000 cơ sở dạy nghề khác; đến tháng 6-2011 đã có 12.500 cơ sở dạy nghề - tăng gấp 3 lần so với năm 1998, trong đó: có 128 trường cao đẳng nghề, 308 trường trung: cấp nghề, 908 trung tâm dạy nghề và trên 1.000 cơ sở khác mở các lớp dạy nghề. Số học sinh học nghề là 1.748 nghìn người, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 13,4% năm 2001 lên 30% năm 2010, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nước ta. Theo Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 ngày 27-12-2014, cuối năm 2014 cả nước có 1.340 cơ sở nghề, bao gồm: 165 cao đẳng nghề; 301 trung cấp nghề; 874 trung tâm dạy nghề trên cả nước.

Hệ thống trung cấp chuyên nghiệp cũng có sự phát triển đáng kể về cả số trường và học sinh. Nhưng nhìn chung, hệ thống đào tạo trung học chuyên

ngoại công lập ít đa dạng. Xu thế chung là số trường này sẽ tăng và do đó số trường ngoài công lập của trường trung cấp chuyên nghiệp cũng sẽ nhiều hơn.

- Giáo dục đại học

Từ khi thực hiện xã hội hóa giáo dục đến nay, hệ thống các trường đại học và cao đẳng được thành lập và phát triển nhanh cả về số lượng cơ sở giáo dục - đào tạo, số lượng học sinh theo học và đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy, đặc biệt, hệ thống trường ngoài công lập phát triển rất nhanh. Năm 1994, cả nước có 96 trường đại học, trong đó có 5 trường dân lập thì đến năm 2009, cả nước có 369 trường cao đẳng, đại học (tăng 47,5% so với năm học 2004 - 2005). Các trường đại học và cao đẳng được phân bố khắp cả nước với nhiều loại hình, trong đó có 29 trường cao đẳng và 45 trường đại học ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 20% tổng số trường. Tổng số sinh viên cao đẳng, đại học trong năm học này là 1.719.499 (tăng 30,2% so với năm học 2004 - 2005), trong đó sinh viên ngoài công lập là 158.039 người, tăng 14,7%. Năm 2015, số trường cao đẳng và đại học ngoài công lập đã tăng lên là 98 trường, chiếm 19,1% trong tổng số trường, số lượng giáo viên tham gia giảng dạy là 17.100 giáo viên, chiếm 20,6% tổng số giáo viên giảng dạy ở hệ đại học và cao đẳng trong cả nước.

Bên cạnh việc tăng quy mô đào tạo cao đẳng, đại học, quy mô đào tạo sau đại học đã tăng dần trong những năm qua. Số lượng tuyển sinh thạc sĩ tăng mạnh, năm 2008 đạt 45.070 học viên; số lượng tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đạt 4.804 nghiên cứu sinh, và có khuynh hướng tăng mạnh trong những năm gần đây.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, các loại hình trường cao đẳng, đại học ngoài công lập đã được thành lập và phát triển thành hệ thống với số lượng tăng nhanh hằng năm. Hầu hết các trường ngoài công lập có quy mô từ 5.000 - 6.000 sinh viên, các trường cao đẳng có quy mô từ 1.500 - 4.500 sinh viên.

Các trường cao đẳng ngoài công lập trước đây chủ yếu đào tạo các ngành thuộc khối kinh tế, ngoại ngữ và một số ngành ít thiết bị thí nghiệm. Hiện nay,

các trường này đã mở rộng đào tạo những ngành nghề thuộc khối kỹ thuật - công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Giáo dục thường xuyên

Giáo dục thường xuyên có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu thay đổi công nghệ trong sản xuất và đời sống, xây dựng xã hội học tập. Trong những năm qua, mạng lưới giáo dục thường xuyên liên tục phát triển về số lượng và mở rộng trên khắp các địa bàn từ cấp xã, huyện đến cấp tỉnh, huy động được số lượng lớn học viên tham gia chương trình xóa mù chữ, học viên theo học chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và tiếp tục học giáo dục thường xuyên trung học cơ sở, trung học phổ thông và theo học các chứng chỉ như tin học, công nghệ truyền thông và ngoại ngữ.

Nội dung các tài liệu phục vụ cho giáo dục thường xuyên ngày càng phong phú và đa dạng đáp ứng yêu cầu của người học ở nhiều lĩnh vực; hình thức tổ chức học tập linh hoạt, phù hợp đã thu hút được nhiều người học tập tham gia. Các địa phương đã tổ chức nhiều lễ tập huấn, hội thi giáo viên dạy giỏi, hội giảng giáo viên dạy giỏi các cấp nhằm thúc đẩy sự chuyển biến tích cực về chất lượng giảng dạy.

Cùng với sự phát triển của các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục từ xa cũng được hình thành và phát triển. Việc tổ chức, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục từ xa cho cán bộ, giáo viên của các trường, các địa phương được tăng cường. Nhiều đề án nghiên cứu phát triển giáo dục từ xa cấp bộ và cấp quốc gia đã được triển khai. Nhiều chương trình ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng kiến thức văn hóa - xã hội được thực hiện trên truyền hình và đài phát thanh.

Hình thành một số trường đại học mở với chức năng chính là đào tạo từ xa như Viện Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, đã có thêm nhiều trường đại học khác được phép triển khai các khóa đào tạo theo chương trình giáo dục từ xa. Song song với giáo dục từ xa, việc xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng cũng tăng lên nhanh chóng, có nhiều

tỉnh, thành phố đạt 100% số xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

Bên cạnh đó, việc tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo cũng được thiết lập và mở rộng với nhiều tổ chức quốc tế, liên chính phủ và phi chính phủ. Các chương trình hợp tác quốc tế đã đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo: tăng cường nguồn lực cho giáo dục; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, trường học, phòng thí nghiệm, thư viện... nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Về hợp tác quốc tế về giáo dục, đã tham gia xây dựng các trường bán công, dân lập và trường tư ở tất cả các cấp học và các trung tâm đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có yếu tố nước ngoài. Chỉ riêng số trường đại học, cao đẳng đã thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với nước ngoài, theo Cục Đào tạo nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến nay đã có 163 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại 58 cơ sở đào tạo đã được phê duyệt trong cả nước. Đặc biệt, nước ta đã có cơ sở đào tạo đại học 100% vốn của nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam: Đại học RMIT - ôxtrâylia và Trung tâm đào tạo Desden của Đức tại Đại học Bách khoa Hà Nội...

2. Một số cơ chế, chính sách chưa thực sự cụ thể, thống nhất trong công tác xã hội hóa giáo dục

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách cụ thể về xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước tham gia vào sự nghiệp giáo dục như: về chính sách sử dụng đất đai, thuế, phí và lệ phí, về tín dụng, về chế độ, chính sách, về chính sách huy động nguồn vốn..., bước đầu đã thu hút được sự tham gia của các lực lượng xã hội. Tuy nhiên, vẫn có những chế độ, chính sách về xã hội hóa giáo dục chưa đồng bộ, thống nhất, nhiều văn bản quy phạm chậm được các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, phổ biến đã gây nhiều lúng túng, bất cập trong quá trình tổ chức, thực hiện. Ví dụ, chính sách về sử dụng đất đai cho các trường ngoài công lập như: Nghị định số 69/NĐ-CP, ngày 30-5-2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo

dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường quy định: Nhà nước có nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, hầu hết các thành phố lớn, thị xã có quỹ đất hạn hẹp, nên chỉ có một số rất ít cơ sở được giao đất, còn phần lớn các cơ sở ngoài công lập phải đi thuê của các cơ quan, xí nghiệp, trường công lập hoặc của tư nhân với giá cao. Cũng có thể có trường hợp đất được giao nhưng là đất chưa được giải tỏa, các cơ sở ngoài công lập phải tự bỏ tiền để đền bù. Như vậy, mặc dù được quy định rất cụ thể nhưng trên thực tế chính sách này chưa được thực thi một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó vẫn có những nghị định trái ngược nhau làm cho các đơn vị giáo dục ngoài công lập mất phương hướng. Ví dụ như một số nghị định và luật cho các trường đại học ngoài công lập phần đầu thì mở, cho quyền tự chủ về tài chính, tự chủ về nhân sự, về hợp tác quốc tế, tuyển sinh, về chỉ tiêu nhưng phần sau cùng thì ghi theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của Chính phủ.

Ngoài ra, còn một thực tế đang diễn ra là việc chậm nghiên cứu và cụ thể hóa các quy định của luật về cấm lợi dụng các hoạt động giáo dục vì mục đích vụ lợi. Có thể nói dự thảo mới nhất về Luật giáo dục đại học khẳng định: Cấm lợi dụng các hoạt động giáo dục vì mục đích vụ lợi. Tuy nhiên, hầu hết tất cả các quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đều mang bản chất vì lợi nhuận. Chính vì vậy, rất nhiều tổ chức, cá nhân lợi dụng xã hội hóa để phát triển trường tư thục ở tại với mục đích vì lợi nhuận là chủ yếu, nhưng lại dán mác không vì lợi nhuận. Mặt khác, ngay cả quan niệm thế nào là “không vì lợi nhuận” cũng chưa thực sự nhất quán và rõ ràng khi quy định tại Điều 6, khoản 7 trong dự thảo Luật giáo dục - bản đề ngày 6-1-2012: Cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư của nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận là cơ sở giáo dục đại học lần đầu suất huy động tiền gửi bình quân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Nếu quy định như thế này thì các trường đại học tư thục có vốn đầu tư

của nước ngoài có hiệu “không vì lợi nhuận” như vậy không? Vì công bố cũng trong Điều 60, khoản 7: Chính phủ quy định phương thức và tiêu chí phân bổ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học; tỷ lệ phần tài chính giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học để đầu tư cho phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thục; về tài chính của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài trong hoạt động giáo dục. Trên cơ sở này sẽ xác định tiêu chí các cơ sở giáo dục đại học tư thục vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận để có chính sách đầu tư, hỗ trợ phù hợp. Nếu quy định như vậy thì thời điểm nào một dự án thành lập một cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập phải khai báo về tính chất vì lợi nhuận hay không vì lợi nhuận.

Trên thực tế, các cơ sở giáo dục công lập hay ngoài công lập, để bảo đảm chất lượng và tính công bằng xã hội đều cần sự hỗ trợ về tài chính từ Nhà nước. Đặc biệt là đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận cần được Nhà nước hỗ trợ tại điều kiện tốt hơn về cơ sở vật chất.

Mặt khác, một số quy định về thuế, tín dụng còn chưa có những chính sách mang tính khuyến khích đối; với các cơ sở ngoài công lập:

Về thuế: việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp- đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập đã gây nhiều tranh luận; một số vấn đề xung quanh mã số thuế; xét miễn giảm các loại thuế; thuế thu nhập đối với những người có thu nhập cao ở các cơ sở ngoài công lập cần phải được xem xét lại cho phù hợp.

Về tín dụng: việc huy động vốn và cho vay vốn của các cơ sở ngoài công lập để đầu tư còn nhiều khó khăn. Ví dụ: cơ chế về tín dụng ưu đãi đối với đơn vị thực hiện xã hội hóa chưa đủ sức khuyến khích, nhất là tỷ lệ lãi suất vốn vay cho các trường để đầu tư cơ sở vật chất còn quá cao (5,4%); mức vốn vay quy định hiện nay tối đa là 50% tổng mức vốn đầu tư, trong khi hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đòi hỏi tổng số vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, gây khó khăn đối với các chủ dự án trong việc huy động nguồn vốn và hoàn thành trả nợ gốc và lãi của dự án; đối với chính sách huy động vốn, Nhà nước vẫn chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội cho các hoạt động giáo dục và đào tạo. Việc đầu tư ban -

đầu của Nhà nước cho các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập cũng chưa có cơ chế thực hiện.

Chính vì sự thiếu thống nhất, đồng bộ của hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa giáo dục, cùng với nhiều văn bản chậm được các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn đã gây ra nhiều lúng túng, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện xã hội hóa giáo dục. Bởi vậy, cần hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa giáo dục để từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực giáo dục một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nền giáo dục Việt Nam.

Các trường ngoài công lập, đặc biệt là các trường cao đẳng, đại học còn nhiều bất cập, chưa phát huy được hiệu quả

Trong thời gian thực hiện xã hội hóa giáo dục, nước ta đã đạt được những thành quả nhất định, tuy nhiên, việc đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, các hình thức đào tạo, đặc biệt là các trường đại học chưa đạt được hiệu quả như mong đợi của xã hội và gặp nhiều khó khăn.

- Về cơ sở vật chất: Nhìn chung rất nhiều trường, kể cả trường công lập và dân lập, đều thiếu thốn về phòng học, đồ dùng dạy học, thư viện và trang thiết bị hiện đại. Điều đặc biệt cần bàn đến là phần lớn các trường ngoài công lập đều thuê phòng học, địa điểm học, ít trường có cơ sở trường học của mình. Nhiều trường dân lập thuê địa điểm học, lớp học không đúng quy cách, thuê rải rác ở nhiều địa điểm, không phù hợp với yêu cầu giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên, thiếu hẳn cảnh quan sư phạm của trường học. Nguyên nhân chủ yếu là các trường ngoài công lập chưa được cấp đất hoặc cho thuê đất để xây dựng trường. Do thiếu đất xây dựng nên phần đông sinh viên không có chỗ ở trong ký túc xá, thiếu phòng làm việc cho giáo viên, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện, sân chơi, bãi tập... Thực tế, không chỉ trường ngoài công lập mà ngay cả các trường công lập ở nước ta cũng gặp khó khăn về đất đai xây dựng. Nếu như một số nước trong khu vực như Thái Lan, Xingapo có những trường đại học rộng hàng trăm hécta, thì ở Việt Nam, kể cả các trường đại học lớn rất ít trường rộng vài chục hécta.

- Về đội ngũ giáo viên: Phần lớn các trường ngoài công lập thiếu về số lượng, chất lượng hạn chế và phần lớn là nguồn từ các trường công lập. Riêng ở bậc đại học, phần lớn giáo viên ở các trường công lập sang giảng dạy ở các trường ngoài công lập, vì các trường ngoài công lập chưa có hoặc có rất ít đội ngũ giáo viên được đào tạo ở một số chuyên ngành hẹp. Thực trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục cả công lập lẫn ngoài công lập. Mặt khác, một số các quy định về tổ chức không hợp lý, khó thu hút được cao nhà giáo tâm huyết và trí tuệ, nhiều trường hợp đã xảy ra sự thiếu chặt chẽ trong nội bộ trường dân lập, làm tan rã trường, gây ảnh hưởng xấu đến việc học tập của học sinh, sinh viên.

- Về chương trình, giáo trình: Việc đầu tư viết các chương trình, giáo trình, bài giảng nói chung ở các trường nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với một số trường ngoài công lập. Phần lớn các trường ngoài công lập sử dụng chương trình, giáo trình như các trường công lập với các ngành cùng đào tạo. Do vốn đầu tư trang thiết bị cho các ngành yêu cầu thực hành, thí nghiệm lớn nên phần lớn các trường ngoài công lập đào tạo các ngành nặng về lý thuyết như: kinh tế, xã hội...

Một trong những vấn đề không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, đào tạo của các trường ngoài công lập là trình độ đầu vào của học sinh, sinh viên tương đối thấp, nhiều trường không tổ chức thi tuyển mà chỉ xét theo kết quả thi của các trường đại học, cao đẳng sau khi các trường công lập đã tuyển đủ.

Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo và trình độ thực tế của đầu ra. Một thực tế cho thấy, chất lượng đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đang ở mức báo động dẫn đến hiện tượng một số doanh nghiệp, cơ quan, địa phương đã không tuyển dụng sinh viên các trường ngoài công lập. Mặc dù điều này là không đúng quy định của Luật giáo dục song đây cũng là hồi chuông cảnh báo cho các trường ngoài công lập về chất lượng đào tạo.